

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Cao N, nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: 1363-20, Kameyama City, Mie Prefecture Epoch Ege 6 No.15, Nhật Bản.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn anh Đỗ Cao N và **đơn đề nghị, giấy ủy quyền** của bị đơn chị Trần Thị L (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) thống nhất trình bày:

Anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Nhân,

huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng từ ngày 22 tháng 8 năm 2016. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L đi lao động tại Nhật Bản nên vợ chồng ít quan tâm đến nhau, mâu thuẫn phát sinh. Nay, anh N và chị L đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là: Đỗ Cao C, sinh ngày 11/8/2017. Hiện nay, con chung đang ở với anh N. Ly hôn, anh N và chị L đề nghị để anh N được nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng anh chị xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị L đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không có sự thay đổi nội dung nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Trần Thị L hiện nay đang sinh sống tại nước ngoài (Nhật Bản), nguyên đơn anh Đỗ Cao N hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng từ ngày 22 tháng 8 năm 2016 theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L đi lao động tại Nhật Bản, anh N sinh sống ở Việt Nam. Chính vì sự xa cách về địa lý, vợ chồng ít quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Anh chị đã sống ly thân được

một thời gian. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song kết quả không đạt. Anh N và chị L đều thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh N và chị L.

[4] Về con chung: Anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L đều xác nhận có một con chung là: Đỗ Cao C, sinh ngày 11/8/2017. Xét thấy, anh N, chị L thống nhất, thỏa thuận để anh N được nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, hiện nay chị L đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc con chung bằng anh N, cháu C đang sinh sống cùng với anh N. Do đó, cần giao con chung cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N và chị L xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Cao N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

**Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;**

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Cao N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Cao N được ly hôn chị Trần Thị L.
2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Cao C, sinh ngày 11/8/2017 cho anh Đỗ Cao N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo

quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết, anh chị xin tự giải quyết với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đỗ Cao N và chị Trần Thị L đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Cao N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0000437 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đỗ Cao N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Đỗ Cao N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Trần Thị L (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Phích**

